

TỪ CHỦ TRƯỞNG ĐẾN GIẢI PHÁP QUÂN ĐIỀN NĂM 1839 Ở BÌNH ĐỊNH

(Còn nữa)

PHAN PHƯƠNG THẢO*

C hính sách quân điền năm 1839 ở Bình Định là một hiện tượng độc đáo trong lịch sử vương triều Nguyễn nói riêng và trong lịch sử Việt Nam nói chung. *Quân điền* là từ chính thức được ghi chép trong *Đại Nam thực lục*, *Minh Mệnh chính yếu* khi nói về chủ trương của Minh Mệnh năm 1839 áp dụng ở Bình Định. Đây không phải từ của các sử quan nhà Nguyễn mà là nguyên văn lời tâu của các đại thần và chỉ dụ của vua Minh Mệnh khi chuẩn y cho thi hành phép chia ruộng ở Bình Định năm 1839, trong *Đại Nam thực lục* chép là "việc quân điền" hay "phép quân điền", còn trong *Minh Mệnh chính yếu*, bản tiếng Việt dịch là "phép chia ruộng", nhưng nguyên bản chữ Hán là "quân điền pháp".

Trong lịch sử chế độ phong kiến nước ta, trước và sau quân điền năm 1839, đã có nhiều lần Nhà nước thực hiện quân điền: quân điền thời Lê sơ (thế kỷ XV), quân điền thời Vĩnh Thịnh (1711), quân điền của Gia Long (1804), hay quân điền của Minh Mệnh năm 1840. Tuy nhiên, tất cả các lần quân điền đó đều có một tính chất chung là áp dụng trên phạm vi cả nước trong việc quân cấp ruộng đất công làng xã cho quan lại, binh lính và xã dân theo khẩu phần,

tuy khẩu phần cụ thể của mỗi lần quân điền có khác nhau. *Quân điền năm 1839 là phép quân điền đầu tiên trong lịch sử chế độ phong kiến nước ta*, ngoài việc quân cấp ruộng đất công làng xã như những lần quân điền khác, còn thể hiện sự can thiệp của Nhà nước đối với quyền tư hữu ruộng đất bằng cách cắt một nửa ruộng tư ở tất cả các thôn/ấp của Bình Định, những nơi có tư điền nhiều hơn công điền, sung làm công điền.

Đề nghị quân điền ở Bình Định được Tổng đốc Bình - Phú là Vũ Xuân Cẩn tâu trình lên vua Minh Mệnh lần đầu tiên vào tháng 11 năm Minh Mệnh 19 (1838): "Một hạt Bình Định ruộng công chỉ có trên 5 nghìn mẫu mà ruộng tư nhiều đến trên 7 vạn 1 nghìn mẫu (1), các ruộng tư thường bị bọn phú hào chiếm cả, người nghèo không nhờ cậy gì". Ông đề nghị: "Xin lượng xét định ra qui chế, phạm ruộng tư định hạn cho 5 mẫu, ngoài ra làm ruộng công cả chia cấp cho dân binh để làm ruộng lương, ruộng khẩu phần giúp cho sinh sống" (2). Khi đó Minh Mệnh không chấp nhận chủ trương này.

Tháng 3 năm sau, Vũ Xuân Cẩn lại một lần nữa tâu với vua Minh Mệnh về vấn đề

* TS. Khoa Lịch sử. Đại học KHXH&NV. Đại học Quốc gia Hà Nội.

chia ruộng ở Bình Định "... ruộng đất phần nhiều là ruộng tư, nhà hào phú chiếm cả, có đến một, hai trăm mẫu mà người nghèo không một thước tấc, suốt đời làm đầy tớ người giàu, nay nếu theo cả ruộng của người giàu, để cho 1, 2 phần làm cơ nghiệp lâu dài, 8, 9 phần đem chia cấp cho binh, dân và người nghèo thì nguồn lợi về ruộng đất được đều" (3). Lần này Minh Mệnh không từ chối đề nghị của Vũ Xuân Cẩn song nhà vua vẫn tỏ thái độ băn khoăn "nhưng nay vô cớ lấy ruộng của dân giàu, không bằng lòng thì kêu ca, đâu được yên lặng không lời kia khác" mà "nếu lấy tiền trả theo giá thì ruộng nương trong hạt ấy có nhiều, đâu có trả khắp được". Vì vậy, khi Bộ Hộ dâng số tâu cho rằng việc quân điền ở Bình Định có thể làm được và đã được sáu bộ bàn luận, 8 tháng sau khi khước từ lời tâu lần đầu của Vũ Xuân Cẩn, tháng 7 năm Minh Mệnh 20 (1839), nhà vua mới quyết định thi hành phép quân điền ở Bình Định. Minh Mệnh đã "sai Hiệp biện đại học sĩ lãnh Thượng thư Bộ Hình kiêm quản Viện Đô sát là Vũ Xuân Cẩn và Hữu tham tri Bộ Hộ là Doãn Uẩn đi Bình Định làm việc quân cấp ruộng công..." (4). Nhà vua chuẩn y lời tâu của sáu bộ: "phàm những công tư điền thổ, thôn ấp nào công nhiều hơn tư hay công tư ngang nhau, thì không cần cất lấy. Ngoài ra thôn ấp nào ruộng đất tư nhiều hơn ruộng đất công, thì ruộng công cứ để nguyên quân cấp như cũ; còn ruộng tư thì cất lấy một nửa" (5). Thậm chí: "Còn như ruộng tư, tuy là ruộng công thần, thế tộc cũng đều cất lấy một nửa. Duy có ruộng của khai quốc công thần là Đào Duy Từ để lại làm ruộng hương hỏa, nên cất lấy thì chuẩn giả cho mỗi mẫu 50 quan tiền, giao cho con cháu là Đào Duy Nhâm để sắm sửa việc thờ cúng" (6). Thêm nữa, *Đại Nam thực lục* còn ghi, khi phái Vũ Xuân Cẩn vào Bình Định thực hiện phép

quân điền, Minh Mệnh "chuẩn cho theo bản nghị trước thi hành" (7). Ở đây, tư liệu không ghi rõ bản nghị trước có phải là bản tâu của Vũ Xuân Cẩn từ tháng 11 năm Mậu Tuất (1838) không?

Theo chủ trương của Minh Mệnh, phép quân điền phải thực hiện đối với tất cả thôn ấp Bình Định có ruộng tư nhiều hơn ruộng công: "Toàn hạt có 678 thôn ấp. Trừ 30 thôn ấp có ruộng công, ruộng tư ngang nhau, 1 ấp xiêu tán, 2 ấp không giản lính, còn lại số thôn ấp cần chia cấp ruộng là 645" (8).

Chính sách quân điền của Minh Mệnh ở Bình Định sau khi chuẩn y đã được thực hiện rất nhanh chóng, trong vòng 3 tháng. Tháng 10 năm Minh Mệnh 20 (1839), Vũ Xuân Cẩn và Doãn Uẩn trở về kinh tâu trả lời nhà vua "việc quân điền ở Bình Định đã hoàn thành" (9).

Cũng chính vì có quân điền 1839 nên ở Bình Định có sưu tập địa bạ lập vào năm 1839, ghi chép những biến đổi ruộng đất ở Bình Định do tác động của quân điền.

Phép quân điền năm 1839 của Minh Mệnh chỉ áp dụng duy nhất tại Bình Định, không tiếp tục thực hiện đối với các tỉnh khác trong cả nước, và vì vậy trong sử biên niên cũng không ghi chép thêm về nội dung cụ thể của quân điền. Nhà sử học Nguyễn Đình Đầu có nghiên cứu sưu tập địa bạ Bình Định và cho xuất bản bộ sách *Địa bạ Bình Định* gồm 3 tập (10). Tuy nhiên, ông Đầu chủ trương chỉ khai thác phần số liệu tổng quát của mỗi địa bạ, không đi sâu thống kê tới qui mô sở hữu của từng chủ ruộng đất tư, mà phần nội dung này trong địa bạ chiếm khoảng 90% số trang của địa bạ. Chúng tôi lựa chọn cách tiếp cận nguồn tư liệu này theo phương pháp mới, phân tích triệt để các thông tin có trong địa bạ. Do khối lượng địa bạ quá lớn, không thể

khai thác toàn bộ địa bạ Bình Định, nên áp dụng phương pháp thống kê chọn mẫu, chúng tôi chọn $\approx 5\%$ tổng số địa bạ (gồm 24 cặp địa bạ) lập năm Gia Long 14 (1815) và năm Minh Mệnh 20 (1839) để phân tích. Trên cơ sở kết quả thống kê và xử lý này, kết hợp với các nguồn tư liệu khác, đặc biệt là tư liệu điều tra điền dã, chúng tôi muốn làm rõ một số nội dung chính của quân điền 1839:

- Đề nghị hạn điền của Vũ Xuân Cẩn có được thực hiện không?
- Cách cắt một nửa ruộng tư sung làm ruộng công ở các thôn/ấp đã được thực hiện theo phương thức nào?
- Cách chia ruộng công cho quan lại, binh lính và xã dân

I. VỀ ĐỀ NGHỊ HẠN ĐIỀN CỦA VŨ XUÂN CẨN

Nếu lời đề nghị của Vũ Xuân Cẩn "ruộng tư định hạn cho 5 mẫu" được thực hiện thì

chủ ruộng tư có 24 người ($\approx 1\%$) có mức sở hữu > 5 mẫu ruộng, nhưng tổng diện tích ruộng họ sở hữu chiếm hơn 11% diện tích tư điền (xem bảng 1).

Trong khi quân điền yêu cầu cắt bớt ruộng tư sung làm ruộng công chia cho binh dân, tạo điều kiện làm ăn sinh sống cho người nghèo không ruộng thì vẫn tồn tại 24 người có mức sở hữu > 5 mẫu? Xin lưu ý thêm rằng đây là 24 người có mức sở hữu *ruộng tư* > 5 mẫu chứ không phải sở hữu *ruộng đất tư* > 5 mẫu. Vậy đây có phải là những trường hợp đặc biệt ưu đãi công thần, thế tộc không?

Chúng tôi đã tra cứu trong *Đại Nam liệt truyện* nhưng không thấy tên 24 người nêu trên thuộc diện quan chức hay công thần, thế tộc được ban ruộng. Hơn nữa, sang thế kỷ XIX, dưới triều Nguyễn, nói chung chính sách ban cấp ruộng gần như không còn nên giả thiết này bị loại bỏ. Trong văn bản

Bảng 1: Qui mô sở hữu ruộng tư của 24 thôn

Quy mô sở hữu	Số chủ		Diện tích sở hữu	
	Số lượng	Tỷ lệ	Diện tích (mẫu, sào, ...)	Tỷ lệ
Dưới 1 mẫu	2645	83.36%	781.4.03.9.9.6	40.45%
1 - 3 mẫu	436	13.74%	684.8.14.4.0.8	35.45%
3 - 5 mẫu	68	2.14%	246.0.02.2.4.6	12.73%
5 - 10 mẫu	22	0.69%	148.2.05.1.4.2	7.67%
10 - 20 mẫu	1	0.03%	12.1.07.7.5.0	0.63%
Trên 50 mẫu	1	0.03%	59.1.12.4.6.2	3.06%

có thể hiểu theo 2 cách:

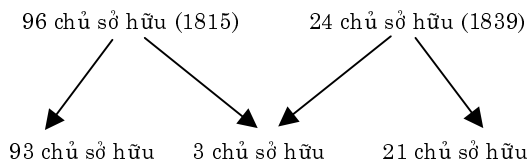
- Sung công ruộng tư và hạn định mức sở hữu tối đa sau quân điền không quá 5 mẫu.
- Chỉ sung công ruộng của những chủ sở hữu trên 5 mẫu.

1. Qua phân tích qui mô sở hữu của từng chủ ruộng tư trong 24 địa bạ Bình Định lập năm 1839 cho thấy: trong số 3173

chính thức, Minh Mệnh cũng chỉ chấp nhận một ngoại lệ duy nhất là con cháu đại công thần Đào Duy Từ, cũng bị cắt một nửa ruộng tư nhưng được đền bù bằng tiền. Như vậy, rõ ràng phép quân điền 1839 không hạn định sở hữu cao nhất là 5 mẫu ruộng.

Sau đây, chúng tôi muốn tìm hiểu thêm nguồn gốc của những chủ sở hữu này trong

phạm vi tư liệu cho phép. Kết quả đối chiếu tên 24 chủ sở hữu trên với những người có mức ruộng tư > 5 mẫu nằm trong 24 thôn ấp đã được nghiên cứu theo thống kê ở địa bạ Gia Long 14 (1815) cho thấy, chỉ có 3 người trùng tên trong hai danh sách vừa nêu, hay nói cách khác, từ 96 chủ sở hữu được coi là khá giả (có sở hữu > 5 mẫu ruộng tư) theo thống kê ruộng đất năm 1815, đến 1839, sau quân điền chỉ còn 3 người có sở hữu ruộng tư > 5 mẫu, bên cạnh đó lại xuất hiện thêm 21 người khác, không phải là những chủ sở hữu > 5 mẫu thời Gia Long nhưng tới 1839 cũng có mức sở hữu > 5 mẫu. Có thể biểu diễn mối quan hệ giữa các chủ sở hữu khá giả (có mức sở hữu > 5 mẫu) qua 2 thời điểm có địa bạ đầu thế kỷ XIX của Bình Định như sau:



- 93 người có sở hữu ruộng tư > 5 mẫu từ năm 1815 nhưng đến 1839 thì mức sở hữu không rõ còn bao nhiêu, chỉ biết chắc chắn ít hơn 5 mẫu. Có lẽ không cần giải thích về những trường hợp này vì họ có thể đã chết không thể đứng tên sở hữu nữa, cũng có thể vì chia tài sản ruộng đất cho con cái nên mức sở hữu giảm xuống, hoặc cũng có thể bị phá sản vì một lý do, hoàn cảnh nào đó.

- 21 người có sở hữu > 5 mẫu ruộng tư vào năm 1839 mà lại không phải có nguồn gốc khá giả từ 1815, cũng có thể họ mới giàu lên, tậu thêm được nhiều ruộng đất sau năm 1815 nên dù đã bị sung công một nửa số ruộng, họ vẫn còn sở hữu hơn 5 mẫu.

- Riêng đối với 3 chủ sở hữu “đặc biệt”, có hơn 5 mẫu ruộng từ 1815, vẫn tồn tại

mức sở hữu lớn sau quân điền, chúng tôi có thống kê cụ thể tên họ cùng diện tích sở hữu và quê quán cũng như nơi họ có ruộng như ở bảng 2.

Rất đặc biệt là các chủ sở hữu nói trên đều họ Võ, đều là phụ canh của Kim Trì, và đều cùng quê quán ở ấp Tân Giản Thượng (theo địa bạ Gia Long), sau đổi tên là thôn Tòng Giản (theo địa bạ Minh Mệnh). Kiểm tra trên bản đồ thì ấp Tân Giản Thượng hay thôn Tòng Giản là ấp/ thôn lân cận với Kim Trì.

Bảng 3a và 3b cho ta biết họ Võ là một họ giàu có ở Kim Trì, mức sở hữu của dòng họ này gấp từ 3 đến 4 lần so với mức sở hữu chung của cả thôn/ấp và gấp 6 tới 8 lần so với mức sở hữu chung của cả Bình Định. Hơn nữa, trong Kim Trì nói chung và trong họ Võ nói riêng thì những người phụ canh lại đặc biệt có quyền lực về kinh tế thông qua sở hữu ruộng đất. Mức sở hữu của những người phụ canh ở Kim Trì luôn lớn hơn hẳn chính canh.

Tuy nhiên, một đặc điểm cũng đáng lưu ý là họ Võ ở Kim Trì, dù là chính canh hay phụ canh đều là những người có mức sở hữu ruộng tư khá lớn trong tương quan của Kim Trì nói riêng và toàn Bình Định nói chung song trong số họ lại không có ai nắm giữ một chức gì, kể cả chức dịch hay sắc mục tại cả hai thời điểm có địa bạ (1815 và 1839).

Trong đợt đi khảo sát hồi tháng 4/2002 tại Bình Định, chúng tôi đã đến tận các thôn/ấp có địa bạ được lựa chọn nghiên cứu và làm sáng tỏ được một số giả thuyết nêu trên, góp phần cụ thể hóa việc thực hiện trên thực tế chính sách quân điền của Minh Mệnh.

Kết quả khảo sát thực tế về dòng họ Võ ở Kim Trì đã giải quyết được những vướng

Bảng 2: Mức diện tích sở hữu của 3 chủ khá giả cả trong địa bạ Gia Long và Minh Mệnh

Họ tên chủ sở hữu	Quê quán	Nơi có ruộng	Diện tích sở hữu (1815)	Diện tích sở hữu (1839)
Võ Văn Thuyên	Ấp Tân Giản Thượng / th.Tùng Giản	Kim Trì	16.5.06.1.2.7	59.1.12.4.6.2
Võ Thị Khuê	Ấp Tân Giản Thượng / th.Tùng Giản	Kim Trì	10.1.03.5.0.0	9.4.06.0.5.0
Võ Thị Diên	Ấp Tân Giản Thượng / th.Tùng Giản	Kim Trì	10.0.06.4.4.2	8.0.14.8.2.5

Nguồn: Theo thống kê trong 24 cặp địa bạ Bình Định lập năm 1815 và 1839

Bảng 3a : Mức diện tích sở hữu theo địa bạ Gia Long 14 (1815)

	Ấp Kim Trì		Họ Võ của ấp Kim Trì	
	Số chủ	Số hữu TB	Số chủ	Số hữu TB
Tổng số	139	2.0.03.0.4.9	17	6.1.08.0.2.8.8
Phụ canh	83	2.7.09.1.0.5	10	9.6.14.2.5.9.0
Nữ	50	1.9.08.2.7.3	6	8.1.02.6.2.3.7

Nguồn: Theo thống kê trong địa bạ Kim Trì (Bình Định) năm 1815

Bảng 3b : Mức diện tích sở hữu theo địa bạ Minh Mệnh 20 (1839)

	Thôn Kim Trì		Họ Võ của ấp Kim Trì	
	Số chủ	Số hữu TB	Số chủ	Số hữu TB
Tổng số	176	1.3.08.1.5.3	21	4.2.05.5.8.4
Phụ canh	97	2.0.10.4.4.8.5	12	7.4.12.4.4.1
Nữ	52	1.2.01.2.5.3	8	2.7.06.0.6.1

Nguồn: Theo thống kê trong địa bạ Kim Trì (Bình Định) năm 1839

mắc về 3 chủ tư điền khá giả nêu trên. Thôn Kim Trì xưa nay được chia thành thôn Kim Trì Đông (hay Kim Đông) và thôn Kim Trì Tây (hay Kim Tây) đều thuộc xã Phước Hòa, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định. Tuy cùng mang họ Võ song ở Kim Trì thực ra có hai họ Võ khác hẳn nhau: một họ Võ chính canh tại Kim Trì Tây, nay vẫn còn khá đông gia đình sinh sống ở Kim Tây.

Họ Võ thứ hai ở Kim Trì là họ Võ của các cụ Võ Cao Liêm, Võ Cao Minh (cùng là

con trai cụ Võ Huỳnh) và cụ Võ Tấn (hiện sống ở Qui Nhơn cùng con cháu). Họ Võ này vẫn còn giữ được gia phả cùng một số giấy tờ liên quan đến việc chia ruộng đất cho con cái trong dòng họ. Theo lời kể của cụ Võ Cao Liêm (năm nay 71 tuổi, hiện sống tại xóm Trì Sung, thôn Kim Tây, là con trai của cụ Võ Huỳnh đã mất, và hiện sống tại chính căn nhà của cụ Võ Huỳnh xưa và cũng là từ đường của họ Võ này) kết hợp với những tư liệu, gia phả của dòng họ thì họ Võ này không phải là những người

chính canh của thôn Kim Trì, mà thực ra quê quán của họ là ở ấp Tân Giản Thượng xưa, sau đổi thành thôn Tòng Giản. Tòng Giản là thôn ở gần thôn Kim Tây và cũng thuộc xã Phước Hòa, huyện Tuy Phước. Chính phái của họ Võ này hiện vẫn còn con cháu sinh sống tại thôn Tòng Giản. Phái họ Võ sống ở Kim Trì là thứ phái.

Theo gia phả, họ Võ này vốn gốc ở Nghệ An, là một họ lớn trong vùng. Ông Võ Văn Thành, con ông Võ Quyền, là thủy tổ của phái họ Võ vào lập nghiệp ở đất Bình Định, cư trú tại thôn Nhạn Tháp. Đời thứ hai, ông Võ Văn Phú (con trai ông Võ Văn Thành) từ Nhạn Tháp (Đập Đá) về sinh cơ lập nghiệp ở thôn Tòng Giản. Từ đó, chính phái của họ Võ này vẫn sinh sống ở Tòng Giản. Đến đời thứ năm là ông Võ Văn Diệu và vợ là bà Nguyễn Thị Huệ, sinh hạ được hai người con trai là Võ Văn Thăng và Võ Văn Triều (11).

Tương truyền họ Võ có người tham gia phong trào Tây Sơn và theo gia phả, ông Thăng là tướng của Tây Sơn, tước là Chiếm hầu Bình Nam. Sau khi Tây Sơn thất bại, ông dời Tòng Giản chuyển sang Kim Trì khai hoang và là tổ của phái họ Võ tại Kim Trì.

Ông Thăng kết duyên cùng bà Đinh Thị Đạt và có 5 người con, 1 trai, 4 gái: Võ Thị Vạn, Võ Văn Thuyên, Võ Thị Diên, Võ Thị Khuê và Võ Thị Thân. Dòng họ Võ này tuy là phụ canh ở Kim Trì nhưng lại là một trong những dòng họ tiên hiền có công khai phá miền đất này. Theo cụ Liêm cho biết, mặc dù là một trong những họ tiên hiền của Kim Trì nhưng họ Võ của cụ không nhận làm người chính canh của Kim Trì vì phái chính của dòng họ vẫn ở Tòng Giản. Thậm chí, cho đến bây giờ, các cụ vẫn cho mình là người quê ở Tòng Giản, chỉ làm ăn sinh sống ở Kim Trì, vẫn tự coi mình là người phụ canh ở Kim Trì.

Là một trong những dòng họ tiên hiền khai phá vùng đất Kim Trì nên họ Võ có rất nhiều ruộng đất tư hữu, tới hàng trăm mẫu. Đến nay trong nhân dân vẫn còn lưu truyền tên gọi một số xứ đồng mà khi xưa vốn là sở hữu của những người thuộc dòng họ Võ, như Gò Chòi, đám Võ, đám Ao, Xứ Mạ... Đập Gia Phù lấy nước sông Côn tưới cho đồng ruộng ba thôn Kim Trì, Kim Xuyên, Hữu Thành, tương truyền do ông Võ Văn Thăng đắp.

Cũng theo lời kể của cụ Võ Cao Liêm, kết hợp với một số tư liệu về ruộng đất của dòng họ Võ này còn lưu giữ được cho biết, khi xưa cụ Thăng chia ruộng đất cho con cái rất đều, con gái cũng được phần như con trai, mỗi người được 10 mẫu ruộng, riêng con trai trưởng thêm 5 mẫu làm ruộng tế tự.

Trong địa bạ Kim Trì lập năm 1815 đã tìm thấy tên 4 người con của ông Võ Văn Thăng trong danh sách các chủ sở hữu ruộng tư của địa bạ, thậm chí có người có cả đất tư, mức sở hữu của họ như sau:

1. Võ Văn Thuyên	16.5.06.1.2.7
2. Võ Thị Khuê	10.1.03.5.0.0
3. Võ Thị Diên	10.0.06.4.4.2
4. Võ Thị Thân	15.1.13.5.0.0

Những tư liệu của dòng họ Võ kết hợp với số liệu trong địa bạ cho phép biết được nguyên nhân vì sao những họ Võ “phụ canh” ở Kim Trì lại có mức độ sở hữu ruộng tư vượt trội hơn hẳn các chủ tư hữu khác trong ấp. Và cũng dễ hiểu khi mấy anh em ông Võ Văn Thuyên sau khi được cha (ông Võ Văn Thăng) chia cho một số ruộng ban đầu khoảng 10 mẫu, họ còn tiếp tục khai phá, mở mang thêm phần sở hữu của mình, có thể lên tới cả trăm mẫu ruộng. Điều này cũng hoàn toàn có thể giải thích được lý do tại sao sau quân điền năm 1839 của Minh

Mệnh, 3 anh em họ Võ “phụ canh” kể trên ở Kim Trì vẫn có mức sở hữu hơn 5 mẫu ruộng, thậm chí ông Võ Văn Thuyền có tới gần 60 mẫu. Theo nguyên tắc Nhà nước sung công một nửa ruộng tư thì sở hữu của ông Võ Văn Thuyền trước quân điền là xấp xỉ 120 mẫu ruộng.

Như vậy, có thể kết luận, trên thực tế, *quân điền năm 1839 không có hạn định mức sở hữu tối đa sau quân điền không quá 5 mẫu.*

2. Chủ trương quân điền 1839 ở Bình Định ghi rõ rằng, đối với các thôn/ấp nằm trong diện quân điền thì “ruộng tư cắt lấy một nửa” và “ruộng tư, tuy là ruộng công thần, thế tộc cũng đều cắt lấy một nửa”. Từ đây có thể suy ra quân điền không chỉ yêu cầu sung công một nửa diện tích ruộng tư của cả thôn nói chung mà cắt đều 1/2 ruộng của từng chủ sở hữu vì đến ruộng của công thần, thế tộc còn bị “cắt lấy một nửa”, nói gì đến ruộng của dân thường. Tuy nhiên, nhận xét này được chứng minh chặt chẽ hơn khi sử dụng kết quả phân tích địa bạ Bình Định sau quân điền 1839.

Qua số liệu thống kê của 24 địa bạ cho thấy:

- Phép quân điền được thực hiện triệt để tới từng thôn của Bình Định nằm trong diện phải quân điền. Trên bình diện một thôn ấp hay toàn tỉnh Bình Định, sau khi điều chỉnh lại ruộng đất công và tư theo chính sách quân điền, tới thời điểm làm lại địa bạ 1839 sau quân điền, tỷ lệ công điền ở 24 thôn đã chiếm tới 46,98% tổng diện tích công tư điền thổ, trong tương quan tư điền là 47,39%. Nếu so sánh cụ thể diện tích công điền và tư điền trong từng thôn (trong số 24 thôn) thì thấy, hai loại ruộng này nếu có chênh lệch nhau thì cũng chỉ là một vài mẫu trên tổng số hàng chục, hàng trăm mẫu ruộng, trong đó: có thôn thì công điền

lớn hơn tư điền, song thôn khác công điền lại nhỏ hơn tư điền; cũng có thôn diện tích công và tư điền bằng nhau. Vì vậy, khi cộng từng phần công điền, tư điền thì tổng diện tích công điền so với tư điền của 24 thôn chênh lệch nhau chưa tới 1%, và sai số này cho phép nói rằng tỷ lệ công và tư điền được phân bố lại sau quân điền là bằng nhau. Kết quả nghiên cứu của nhà sử học Nguyễn Đình Đầu cũng cho biết, tỷ lệ ruộng đất toàn tỉnh Bình Định năm 1839 (sau quân điền): ruộng tư chiếm 47,83% trong tương quan công điền sở tại chiếm 52,17% (12).

- Quân điền đụng chạm tới sở hữu của từng chủ ruộng tư. Thật vậy, sau quân điền, mức sở hữu bình quân (0.6.01.3.2.8) của các chủ ruộng này chỉ còn bằng xấp xỉ một nửa mức sở hữu trước quân điền (1.1.09.7.1.0) (13), không phân biệt chủ sở hữu là nam hay nữ, chính canh hay phụ canh. Điều này chứng tỏ ruộng tư của từng chủ sở hữu đều bị cắt đi một nửa thì mức sở hữu bình quân mới giảm đi xấp xỉ 1/2. Hơn nữa, trong bảng 1 thống kê về qui mô sở hữu ruộng tư ở 24 thôn đã cho biết, hơn 99% số chủ ruộng có sở hữu < 5 mẫu ruộng. Nếu quân điền chỉ sung công ruộng của những người có sở hữu > 5 mẫu ruộng tức là phần ruộng của số chủ này không bị sung công. Trong khi đó, tổng diện tích ruộng mà hơn 99% số chủ có sở hữu < 5 mẫu nắm giữ là 88,63% tổng diện tích ruộng tư, hay nói cách khác, 88,63% ruộng tư không bị sung công. Và như vậy, chỉ còn hơn 11% diện tích ruộng tư của 24 chủ ruộng có sở hữu > 5 mẫu bị sung công thì dù áp dụng cách cắt ruộng nào đi nữa, thậm chí, cắt đi toàn bộ ruộng của những người này cũng vẫn không đủ 50% số ruộng tư phải sung công như chủ trương quân điền đã đề ra.

Thêm nữa, với giả thiết những chủ sở hữu trùng cả tên họ và quê quán (cả chính canh cũng như phụ canh) trong địa bạ của mỗi thôn/ấp tại hai thời điểm có địa bạ là một người, khi đối chiếu danh sách các chủ ruộng tư trong 24 cặp địa bạ cho thấy có 210 chủ trùng tên. Trong số các chủ trùng tên này, có những người chỉ có sở hữu vài sào, thậm chí vài thước ruộng trước quân điền, đến sau quân điền, mức sở hữu của họ chỉ còn lại một nửa so với trước quân điền.

Qua những phân tích trên cho thấy, việc thực hiện quân điền ở Bình Định trên thực tế là sung công một nửa ruộng tư của mọi chủ sở hữu, kể cả sở hữu lớn và sở hữu nhỏ ở tất cả các thôn/ấp có công điền nhiều hơn tư điền, và cũng không hạn điền 5 mẫu như đề xuất của Vũ Xuân Cẩn năm 1838. Nhận xét rút ra từ phân tích địa bạ này hoàn toàn phù hợp với số tâu của bộ Hộ đã được sáu bộ hợp bàn và vua Minh Mệnh chuẩn y.

(Còn nữa)

CHÚ THÍCH

(1). *Đại Nam thực lục*, bản dịch, tập XX, tr. 258 chép là 1 vạn 7 nghìn mẫu. Số liệu này sai có thể do dịch hay in, chúng tôi chữa lại là 7 vạn 1 nghìn mẫu, theo nguyên bản chữ Hán và phù hợp với *Quốc triều chính biên toát yếu*, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, lời tâu của Thượng thư bộ Hộ Hà Duy Phiên chép trong *Đại Nam thực lục*.

(2). *Đại Nam thực lục chính biên*, tập XX, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 258.

(3). *Đại Nam thực lục chính biên*, tập XXI, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1969, tr. 58.

(4), (5), (6), (7), (8), *Đại Nam thực lục chính biên*. Sdd, tập XXI, tr. 148, 148-149, 150, 149, 150.

(9). *Đại Nam thực lục chính biên*. Sdd, tập XXI, tr. 259.

(10). Nguyễn Đình Đầu. *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn: Địa bạ Bình Định*, 3 tập, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, 1996.

(11). Về thế thứ các đời, giữa gia phả và lời kể của cụ Võ Cao Liêm có chỗ chưa khớp nhau. Gia phả mang tên *Võ tộc thế gia phả*, bản chữ Hán, chép Võ Văn Thăng thuộc đời thứ sáu, con ông Võ Văn Diệu và bà Nguyễn Thị Huệ. Trong gia phả, cha ông Võ Văn Diệu là Võ Văn Mẫn lại bị xóa(?). Theo cụ Võ Cao Liêm thì ông Võ Văn Diệu thuộc đời thứ ba, con ông Võ Văn Phú, cháu gọi ông Võ Văn Thành bằng ông. Đây là một vấn đề cần xác minh thêm và rất có thể vì liên quan đến Tây Sơn nên gia phả chép vào đời Nguyễn đã cố tình che dấu.

(12). Đây là số liệu tổng hợp của 648 thôn Bình Định còn lưu giữ được địa bạ, trong đó có một số thôn có công điền nhiều hơn tư điền (không nằm trong diện phải quân điền) khiến cho tỷ lệ công điền lớn hơn tư điền 4,34% là hoàn toàn lý giải được.

(13). Mức sở hữu bình quân của một chủ ruộng tư theo thống kê trong 24 địa bạ Bình Định lập năm Gia Long 14 (1815).